

Bản án số: 501/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 tháng 5 năm 2022

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;

2. Bà Võ Thị Lãnh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về “V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Đức H, sinh năm 1976;

Nơi thường trú: Số 03 Đường TNT, phường A, thành phố B, tỉnh C;

Nơi cư trú: 5.12 Chung cư D, Tổ E, Khu phố F, phường G, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1984;

Nơi thường trú: ấp Y, xã K, huyện L, tỉnh M;

Nơi cư trú: 5.12 Chung cư D, Tổ E, Khu phố F, phường G, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản thì nguyên đơn – ông Lê Đức H trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Ánh N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là cả hai lo mãi mê làm ăn, nên quên cả việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, quan điểm lối sống nhận thức không phù hợp. Ông cố gắng cho qua chuyện, nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân cả hai không còn niềm tin lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung làm không khí gia đình ngột ngạt căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý con cái. Nay, cuộc sống mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Để trả tự do cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng không ai ràng buộc ai, nên ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Ánh N.

Trong quá trình chung sống, ông và bà Huỳnh Thị Ánh N có với nhau 01 (một) người con Lê Kim Kh, sinh ngày 20/01/2009. Ông đồng ý giao người con tên Kh cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản thì bị đơn – bà Huỳnh Thị Ánh N trình bày:

Bà và ông Lê Đức H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là cả hai lo mãi mê làm ăn, nên quên cả việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông H có tính gia trưởng, ý kiến của bà không được tôn trọng, nhưng bà cố gắng chịu đựng cho qua chuyện. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân cả hai không còn niềm tin lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung làm không khí gia đình ngột ngạt căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý con cái. Nay, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vì tình cảm dành cho nhau đã không còn. Nay, ông H yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý ly hôn với ông Lê Đức H.

Trong quá trình chung sống, bà và ông H có với nhau 01 (một) người con Lê Kim Kh, sinh ngày 20/01/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng

người con tên Kh đến khi trưởng thành. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải về con chung, quan hệ tài sản, nghĩa vụ. Do ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày trong quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn và bị đơn chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật “V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 không đăng ký kết hôn. Tuy việc chung sống giữa ông H – bà N là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay ông H – bà N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình

mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo quy định tại điểm c Khoản 3 Nghị quyết số: 35 của Quốc hội thì ***“Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, ... nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; ...”***.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N là hôn nhân không hợp pháp, pháp luật không công nhận là vợ chồng. Trong quá trình tố tụng, ông H yêu cầu ly hôn với bà N; bà N đồng ý ly hôn với ông H. Xét, yêu cầu ly hôn của ông Lê Đức H là hoàn toàn có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N có với nhau 01 (một) người con Lê Kim Kh, sinh ngày 20/01/2009. Trong quá trình tố tụng, thì ông H – bà N thỏa thuận giao người con tên Kh cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại các Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, ...; nếu con từ đủ 07 (bảy) tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Nguyện vọng của người con tên Kh mong muốn được chung sống với bà N. Xét thấy, thỏa thuận giữa ông H – bà N là sự tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của người con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao người con Lê Kim Kh, sinh ngày 20/01/2009 cho bà Huỳnh Thị Ánh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Do bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và việc không yêu cầu của bà N là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà N.

Về tài sản, nghĩa vụ: Ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3]Về án phí:

Yêu cầu của ông Lê Đức H được chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình đình không có giá ngạch 300.000 (hai trăm nghìn) đồng. Ông H được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023104 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Đức H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, 9, 14, 15, 16, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm c Khoản 3 Nghị quyết số: 35 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Đức H – bà Huỳnh Thị Ánh N.

1.2 Về con chung: Có 01 (một) người con Lê Kim Kh, sinh ngày 20/01/2009. Giao người con tên Kh cho bà Huỳnh Thị Ánh N trực trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông Lê Đức H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về quan hệ tài sản: Ông Lê Đức H và bà Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nghĩa vụ: Ông Lê Đức H và bà Huỳnh Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Lê Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình đình không có giá ngạch 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023104 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023104 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Đức H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Kim